

QUỐC HỘI

Nghị quyết số: /2026/QH16
(Dự thảo ngày 16.10.2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về công tác nhân tài

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về thu hút, trọng dụng nhân tài để thực hiện nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và giải quyết bài toán lớn của đất nước, ngành, lĩnh vực, địa phương (sau đây gọi là nhiệm vụ chiến lược).

2. Đối tượng áp dụng:

- Nhân tài là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài;
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt

1. Lấy việc xác định, công bố và đặt hàng các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án, công trình trọng điểm quốc gia, bài toán lớn và nhiệm vụ đột phá của từng ngành, lĩnh vực, địa phương làm căn cứ để phát hiện, tuyển chọn, giao nhiệm vụ, trọng dụng và đánh giá nhân tài.

2. Việc lựa chọn nhân tài căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, năng lực và khả năng tạo ra sản phẩm, kết quả; không bắt buộc phải có học hàm, học vị, chức danh, thâm niên hoặc được công nhận danh hiệu nhân tài, trừ trường hợp pháp luật quy định điều kiện hành nghề bắt buộc.

3. Chủ động phát hiện, giới thiệu, tiên cử nhân tài từ nhiều nguồn, cả trong và ngoài nước, không phân biệt khu vực công và khu vực tư, không tính vào chỉ tiêu biên chế đối với khu vực công.

4. Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, tự chủ chiến lược, quốc phòng, an ninh, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và thông tin của nhân tài theo quy định.

Điều 3. Khung tiêu chí quốc gia về nhân tài

1. Nhân tài là cá nhân có phẩm chất, năng lực nổi trội, tư duy sáng tạo, tiềm năng đặc biệt hoặc có thành tựu tạo ra sản phẩm, kết quả có giá trị mang tính đột phá, đóng góp quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và giải quyết bài toán lớn của đất nước.

2. Nhân tài đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Có công trình, sản phẩm, giải pháp, thành tựu hoặc đóng góp nổi bật được ghi nhận trong nước hoặc quốc tế;

b) Có năng lực đặc biệt trong nghiên cứu, sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, quản lý, quản trị, tổ chức thực hiện hoặc giải quyết vấn đề lớn, phức tạp;

c) Có khả năng chủ trì, dẫn dắt hoặc đóng góp quyết định vào việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và giải quyết bài toán lớn;

d) Có tố chất, tiềm năng phát triển nổi trội được chứng minh thông qua đánh giá năng lực, sản phẩm, giải pháp hoặc phương án thực hiện nhiệm vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này, làm cơ sở cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương quy định cụ thể tiêu chí nhân tài phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương.

Điều 4. Xác định nhiệm vụ chiến lược và nhu cầu nhân tài

1. Nhiệm vụ chiến lược là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển đất nước hoặc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; có yêu cầu giải quyết những vấn đề lớn, cấp thiết hoặc tạo ra bước đột phá trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, lượng tử, khoa học dữ liệu, công nghệ chiến lược, công nghệ mới và các nhiệm vụ chiến lược khác phục vụ quản trị quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh, quản lý kinh tế, xã hội.

2. Căn cứ vào tính chất quy mô của nhiệm vụ chiến lược, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh quyết định và ban hành danh mục nhiệm vụ chiến lược theo thẩm quyền, trong đó xác định mục tiêu, sản phẩm, kết quả, thời hạn, nguồn lực và nhu cầu sử dụng nhân tài.

3. Danh mục nhiệm vụ chiến lược và nhu cầu nhân tài được công bố công khai, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước hoặc cần bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phát hiện, tiến cử nhân tài

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu được chủ động tìm kiếm, mời, tiến cử, tiếp nhận hồ sơ và kết nối nhân tài trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế; được tiếp nhận đề cử, tiến cử của doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, nghiên cứu, tổ chức khoa học, công nghệ, tổ chức xã hội và cá nhân; tiếp nhận hồ sơ của ứng viên; phát hiện thông qua kết quả và thành tựu nghiên cứu và sáng tạo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin do mình cung cấp.

Điều 6. Lựa chọn và giao nhiệm vụ cho nhân tài

1. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn nhân tài, tính chất, nội dung của nhiệm vụ chiến lược, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền lựa chọn nhân tài theo hình thức cạnh tranh hoặc mời trực tiếp hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ, không áp dụng quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư.

2. Việc giao nhiệm vụ chiến lược cho nhân tài được thực hiện thông qua quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, trong đó xác định mục tiêu, sản phẩm, kết quả, thời hạn, phương thức làm việc, quyền tự chủ, tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ, quyền và trách nhiệm của các bên.

Điều 7. Quyền của nhân tài trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược

1. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ theo quyết định giao nhiệm vụ hoặc theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

2. Được đồng thời thực hiện nhiệm vụ tại nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quyết định giao nhiệm vụ hoặc thỏa thuận tại hợp đồng.

3. Được thỏa thuận chế độ làm việc phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và môi trường làm việc trong nước, quốc tế.

4. Được quyết định phương pháp, giải pháp chuyên môn, phương án tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

5. Được lựa chọn cộng sự để tổ chức nhóm thực hiện nhiệm vụ; sử dụng nguồn kinh phí được giao để lựa chọn, ký hợp đồng và quyết định mức tiền lương, tiền thưởng với cộng sự của nhóm.

6. Được quyết định phân bổ, điều chỉnh kinh phí giữa các nội dung chi thuộc phạm vi được giao.

7. Được ưu tiên tiếp cận, sử dụng hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thông tin và dữ liệu cần thiết phục vụ nhiệm vụ.

8. Được bảo lưu ý kiến chuyên môn, báo cáo trực tiếp với người có thẩm quyền giao nhiệm vụ và đề xuất điều chỉnh mục tiêu, sản phẩm, thời hạn, nguồn lực khi có căn cứ cần thiết.

9. Cán bộ, công chức, viên chức được lựa chọn là nhân tài tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược thì tạm thời thôi làm nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức cho đến khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ chiến lược và được hưởng các quyền quy định tại Điều này. Thời gian thực hiện nhiệm vụ chiến lược được tính là thời gian công tác liên tục để tính hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

Điều 8. Cơ chế giao kinh phí, khoán chi và quyết toán theo sản phẩm

1. Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ chiến lược được giao theo sản phẩm, kết quả; được bố trí theo tiến độ nhiệm vụ trong phạm vi dự toán và kế hoạch ngân sách được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Nhiệm vụ chiến lược sử dụng ngân sách nhà nước được áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần như sau:

a) Đối với khoản kinh phí khoán đến sản phẩm cuối cùng, việc thanh toán, quyết toán căn cứ kết quả nghiệm thu và nghĩa vụ theo hợp đồng, không yêu cầu chứng từ chi tiết từng khoản chi thuộc phạm vi khoán;

b) Đối với nhiệm vụ khoán chi từng phần, nhân tài chủ trì được quyết định phân bổ, điều chỉnh kinh phí giữa các nội dung chi được khoán trong phạm vi tổng kinh phí đã được phê duyệt; được quyết định mức chi theo yêu cầu thực tế, không phụ thuộc định mức chi hành chính thông thường đối với các khoản chi được áp dụng cơ chế đặc biệt.

3. Phần kinh phí tiết kiệm hợp pháp sau khi hoàn thành đầy đủ sản phẩm, kết quả và nghĩa vụ theo hợp đồng được sử dụng để thưởng cho nhân tài, nhóm thực hiện và tái đầu tư theo phương án được phê duyệt. Không coi kinh phí còn dư do không thực hiện hoặc cắt giảm sản phẩm, chất lượng nhiệm vụ là kinh phí tiết kiệm để thưởng.

4. Việc kiểm tra, giám sát, thanh toán, quyết toán tập trung vào sản phẩm, kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí và việc tuân thủ nghĩa vụ theo hợp đồng; xử lý nghiêm hành vi gian lận, sử dụng kinh phí sai mục đích, gây thất thoát, lãng phí.

Điều 9. Về khai thác và phân chia lợi ích từ kết quả nhiệm vụ

1. Việc phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ chiến lược được thực hiện như đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng kết quả nhiệm vụ chiến lược được chủ động lựa chọn hình thức thương mại hóa, đối tác, phương án khai thác và phân chia lợi ích trong phạm vi quyền được giao; chịu trách nhiệm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các chủ thể liên quan.

3. Không áp dụng cơ chế phân chia lợi ích đối với kết quả, dữ liệu, tài sản hoặc công nghệ bị hạn chế chuyển giao, thương mại hóa theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Ưu đãi về thuế

1. Thu nhập từ tiền lương, tiền thưởng của nhân tài và cộng sự được miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm kể từ khi phát sinh thu nhập.

2. Không áp dụng trùng lặp ưu đãi đối với cùng khoản thu nhập.

Điều 11. Thị thực nhân tài Việt Nam, cư trú, giấy phép lao động đối với nhân tài là người nước ngoài

1. Nhân tài là người nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này được cấp Thị thực Nhân tài Việt Nam.

2. Nhân tài được cấp Thị thực Nhân tài Việt Nam được cấp thẻ tạm trú tương ứng; được gia hạn, chuyển đổi mục đích cư trú theo điều kiện và thời hạn quy định của pháp luật.

3. Vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của nhân tài được cấp thị thực UD2, thẻ tạm trú tương ứng và được tạo điều kiện về cư trú, học tập, sinh sống tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Nhân tài là người nước ngoài thuộc diện quy định tại Điều này được miễn giấy phép lao động khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, quản lý hoặc hoạt động nghề nghiệp phù hợp với năng lực và mục đích thu hút nhân tài; được thực hiện nhiệm vụ tại nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp pháp mà không phải xin cấp giấy phép lao động cho từng nơi làm việc.

5. Việc thay đổi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng nhân tài hoặc đồng thời thực hiện nhiệm vụ tại nhiều nơi không làm phát sinh yêu cầu cấp lại thị thực còn hiệu lực.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Bảo vệ nhân tài

1. Nhân tài và người tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược được xem xét miễn, loại trừ trách nhiệm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ và trong trường hợp phát sinh rủi ro, thiệt hại, sự kiện bất khả kháng.

2. Người tham mưu, thẩm định, quyết định lựa chọn, sử dụng nhân tài được xem xét được xem xét miễn, loại trừ trách nhiệm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi đồng thời đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ đúng thẩm quyền, trong phạm vi mục tiêu, phương án và mức độ rủi ro đã được phê duyệt;

b) Trung thực, không vụ lợi, không cố ý vi phạm pháp luật;

c) Đã áp dụng các biện pháp cần thiết, phù hợp để phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế và khắc phục hậu quả;

d) Rủi ro, thiệt hại phát sinh do nguyên nhân khách quan hoặc những yếu tố không thể dự báo, kiểm soát hợp lý trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ.

3. Trường hợp có sai sót không cố ý, việc xem xét trách nhiệm kỷ luật hành chính phải căn cứ tính chất, mức độ lỗi, điều kiện thực hiện nhiệm vụ và việc chủ động báo cáo, khắc phục hậu quả; được xem xét miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Không áp dụng cơ chế bảo vệ đối với hành vi tham nhũng, gian lận, trục lợi, cố ý vi phạm pháp luật, che giấu vi phạm hoặc lợi dụng chính sách đặc biệt để gây thiệt hại. Trách nhiệm dân sự, hình sự và trách nhiệm pháp lý khác thực hiện theo pháp luật có liên quan; đối với tổ chức, doanh nghiệp ngoài công lập, rủi ro và trách nhiệm hợp đồng được giải quyết theo pháp luật tương ứng.

Điều 13. Ưu đãi đối với doanh nghiệp và nhân tài tại doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ chiến lược

1. Doanh nghiệp sử dụng nhân tài và cộng sự thực hiện nhiệm vụ chiến lược được tính thêm vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp một khoản bằng 50% chi phí tiền lương, tiền thưởng thực trả cho nhân tài và cộng sự.

2. Nhân tài làm việc tại doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ chiến lược không sử dụng ngân sách nhà nước được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân; trường

hợp là người nước ngoài còn được cấp Thị thực Nhân tài Việt Nam, cư trú, miễn giấy phép lao động quy định tại Nghị quyết này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Ngân sách thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt cho công tác nhân tài

1. Bố trí ngân sách nhà nước cho công tác nhân tài đạt khoảng 0,1% GDP hằng năm trong tổng nguồn lực dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

2. Quốc hội quyết định giao cho Chính phủ mức ngân sách bảo đảm chi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chính phủ phân bổ, giao kịp thời, bảo đảm đủ ngân sách chi cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Thủ tướng Chính phủ quyết định phân bổ chi tiết đối với các khoản chi Chính phủ chưa phân bổ để bảo đảm kịp thời, đủ ngân sách chi, đúng quy định của pháp luật.

3. Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố tự chủ ngân sách được quyết định mức chi cho công tác nhân tài cao hơn, phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm trong công tác thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2027.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp văn bản khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn quy định của Nghị quyết này thì áp dụng cơ chế, chính sách đó.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này và các văn bản hướng dẫn được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn